

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mạnh Hùng

Bà Cao Thị Hạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương A; ĐKKHKT: Số X, ngõ Y Nguyễn Z, phường NX, quận LC, thành phố Hải Phòng; hiện đang ở: 100 SENWICK ROAD WELLING BOROUGH NOTHAMPTON, Anh Quốc; vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Sỹ Tuấn B; ĐKKHKT: Số X, ngõ Y Nguyễn Z, phường NX, quận LC, thành phố Hải Phòng; hiện đang ở Pháp; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị Phương A trình bày:

Chị Nguyễn Thị Phương A và Anh Nguyễn Sỹ Tuấn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, Hải Phòng vào ngày 05/10/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có với nhau 03 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau từ khoảng năm 2015 đến nay. Đến thời điểm hiện tại chị được biết Anh B đã sang Pháp để lao động và sinh sống. Địa chỉ cụ thể ở Pháp của Anh B thì chị không biết nên không cung cấp được cho Tòa án. Chị được biết Anh B vẫn thường xuyên liên lạc về nhà với bố mẹ đẻ Anh B là ông Nguyễn Sỹ Hải và bà Trần Thị Nhanh, hiện ở: Số 2 ngách phụ 7, ngõ 66 Nguyễn Tường Loan, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Sỹ Tuấn B để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Tuấn Hoàng C, sinh ngày 20/11/2004; Nguyễn Ngọc Phương D, sinh ngày 06/8/2008; Nguyễn Tuấn Minh E, sinh ngày 03/4/2012. Cháu Nguyễn Tuấn Hoàng C đến nay đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao con chung Nguyễn Ngọc Phương D và Nguyễn Tuấn Minh E cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là Anh Nguyễn Sỹ Tuấn B:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Trần Thị Nhanh – là mẹ đẻ của Anh Nguyễn Sỹ Tuấn B. Tòa án đã hai lần thông báo cho bà Trần Thị Nhanh cung cấp địa chỉ cụ thể của Anh Nguyễn Sỹ Tuấn B ở Pháp và yêu cầu bà Trần Thị Nhanh cho biết kết quả về việc bà Nhanh đã thông báo cho Anh Nguyễn Sỹ Tuấn B để gửi lời khai đối với yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị Phương A cho Tòa án. Bà Trần Thị Nhanh trình bày Anh Nguyễn Sỹ Tuấn B vẫn liên lạc qua điện thoại với bà và gia đình nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể Anh Nguyễn Sỹ Tuấn B ở đâu do Anh B không cung cấp. Bà đã thông báo cho Anh Nguyễn Sỹ Tuấn B về yêu cầu của Tòa án tuy nhiên Anh B không thực hiện việc cung cấp địa chỉ và gửi lời khai về cho Tòa án. Anh B trao đổi qua điện thoại

với bà Nhanh như sau: Anh B có quan điểm đồng ý ly hôn với Chị A. Về con chung: Anh B và Chị A có 03 con chung là Nguyễn Tuấn Hoàng C, sinh ngày 20/11/2004; Nguyễn Ngọc Phương D, sinh ngày 06/8/2008; Nguyễn Tuấn Minh E, sinh ngày 03/4/2012. Ly hôn, anh đồng ý giao các con chung cho Chị A trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh B và Chị A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của bà Trần Thị Nhanh như sau: Về quan hệ hôn nhân: Anh B và Chị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, Hải Phòng vào ngày 05/10/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có với nhau 03 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ năm 2015 đến nay, anh chị sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Bà Nhanh đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị A được ly hôn Anh B theo quy định của pháp luật. Về con chung và tài sản chung: Đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của Chị A và Anh B.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227 và Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho Chị Nguyễn Thị Phương A được ly hôn với Anh Nguyễn Sỹ Tuấn B. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Phương D, sinh ngày 06/8/2008 và Nguyễn Tuấn Minh E, sinh ngày 03/4/2012 cho Chị Nguyễn Thị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Nguyễn Tuấn Hoàng C đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung, Chị Nguyễn Thị Phương A không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Ngoài ra đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc ly hôn. Bị đơn là Anh Nguyễn Sỹ Tuấn B có đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng, hiện đang sinh sống ở Pháp, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Phương A hiện nay có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị Phương A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho Anh Nguyễn Sỹ Tuấn B đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng Anh Nguyễn Sỹ Tuấn B vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. **Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự**, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị A kết hôn với Anh B kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, Hải Phòng vào ngày 05/10/2004. Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Dù hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Vợ chồng ly thân từ năm tháng 9 năm 2021 đến nay không còn liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy, Chị A đã không còn tình cảm vợ chồng với Anh B, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã ly thân trong một thời gian dài nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị Phương A đối với Anh Nguyễn Sỹ Tuấn B.

[4] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Tuấn Hoàng C, sinh ngày 20/11/2004; Nguyễn Ngọc Phương D, sinh ngày 06/8/2008; Nguyễn Tuấn Minh E, sinh ngày 03/4/2012. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao con chung Nguyễn Ngọc Phương D và Nguyễn Tuấn Minh E cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Tuấn Hoàng C đến nay đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết. Qua lời trình bày của mẹ đẻ Anh B thì Anh B cũng đồng ý giao các con chung cho Chị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh và Chị A tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết, mẹ đẻ Anh B đề nghị Tòa án giao con chung theo nguyện vọng của Anh B và Chị A. Mặt khác,

cháu Nguyễn Ngọc Phương D và Nguyễn Tuấn Minh E có nguyện vọng muốn được ở với mẹ là Chị A. Do đó, cần giao con chung Nguyễn Ngọc Phương D và Nguyễn Tuấn Minh E cho Chị Nguyễn Thị Phương A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Con chung Nguyễn Tuấn Hoàng C đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con, Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần ghi nhận việc Chị A tạm thời chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Phương A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 26; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Phương A.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương A được ly hôn Anh Nguyễn Sỹ Tuấn B.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Phương D, sinh ngày 06/8/2008 và Nguyễn Tuấn Minh E, sinh ngày 03/4/2012 cho Chị Nguyễn Thị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Nguyễn Tuấn Hoàng C đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Ghi nhận việc Chị Nguyễn Thị Phương A tạm thời chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Phương A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006313 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Phương A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Phương A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Sỹ Tuấn B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Hạ - Phạm Mạnh Hùng

Đặng Hồ Điệp

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Quyết - Nguyễn Thị Luyến

Đặng Hồ Điệp

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Quyết - Nguyễn Thị Luyện

Đặng Hồ Điệp

